

Số: /TTr-UBND

Gia Lai, ngày tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án Khu tái định cư vùng thiên tai xã Phù Mỹ Đông (xã Mỹ Thắng trước khi sắp xếp) thuộc Các dự án, phương án bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai khẩn cấp ưu tiên triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai (khu vực phía Đông)

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

Căn cứ Quyết định số 2900/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 tháng 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp các dự án, phương án bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai khẩn cấp ưu tiên triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai (khu vực phía Đông);

Căn cứ Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, dự án Khu tái định cư vùng thiên tai xã Phù Mỹ Đông (xã Mỹ Thắng trước sắp xếp) thuộc Các dự án, phương án bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai khẩn cấp ưu tiên triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai (khu vực phía Đông);

Căn cứ Văn bản số 7252/UBND-NNMT ngày 29 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao nhiệm vụ thực hiện các dự án, phương án bố trí, ổn định dân cư vùng thiên tai;

Căn cứ Báo cáo số 189/BC-SNNMT ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Kết quả thẩm định hồ sơ đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện “Dự án Khu tái định cư vùng thiên tai xã Phù Mỹ Đông (xã Mỹ Thắng trước khi sắp xếp) thuộc Các dự án, phương án bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai khẩn cấp ưu tiên triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai (khu vực phía Đông)” do Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh làm chủ đầu tư.

Căn cứ đề nghị của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh tại Văn bản số 378/BQL-KTTĐ ngày 06 tháng 4 năm 2026 đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án Khu tái định cư vùng thiên tai xã Phù Mỹ Đông (xã Mỹ Thắng trước khi sắp xếp) thuộc Các dự án, phương án bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai khẩn cấp ưu tiên triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai (khu vực phía Đông), với nội dung như sau:

1. Thông tin chung về dự án

a) Tên dự án: Dự án Khu tái định cư vùng thiên tai xã Phù Mỹ Đông (xã Mỹ Thắng trước khi sắp xếp) thuộc Các dự án, phương án bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai khẩn cấp ưu tiên triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai (khu vực phía Đông).

b) Chủ đầu tư dự án: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh Gia Lai.

c) Địa điểm thực hiện: Thuộc khoảnh 3, tiểu khu 132, xã Phù Mỹ Đông, tỉnh Gia Lai (*trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 thuộc xã Mỹ Thắng, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định*).

d) Diện tích thực hiện dự án: 14,15 ha. Diện tích thuộc đối tượng thực hiện trình tự, thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: 2,30 ha.

đ) Phạm vi ranh giới dự án được giới hạn bởi các điểm mốc, có tọa độ hệ VN 2000 kinh tuyến trực 108 độ 15 phút, múi chiều 3 độ, cụ thể: *chi tiết tại Phụ lục I kèm theo*.

e) Về chủ trương: Đảm bảo theo quy định, các văn bản pháp lý cụ thể:

- Quyết định số 2900/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp các dự án, phương án bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai khẩn cấp ưu tiên triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai (khu vực phía Đông).

- Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, dự án Khu tái định cư

vùng thiên tai xã Phù Mỹ Đông (xã Mỹ Thắng trước sắp xếp) thuộc Các dự án, phương án bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai khẩn cấp ưu tiên triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai (khu vực phía Đông).

- Quyết định số 3811/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Phù Mỹ về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư vùng thiên tai tại xã Mỹ Thắng.

- Văn bản số 7252/UBND-NNMT ngày 29 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao nhiệm vụ thực hiện các dự án, phương án bố trí, ổn định dân cư vùng thiên tai.

2. Sự cần thiết đầu tư dự án

Để kịp thời bố trí chỗ ở cho các hộ dân bị di dời khẩn cấp do thiên tai, Ủy ban nhân dân tỉnh đã thống nhất triển khai các dự án tái định cư khẩn cấp và giao Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm chủ đầu tư các dự án tái định cư khu vực phía Đông tỉnh tại Văn bản số 7252/UBND-NNMT ngày 29 tháng 11 năm 2025 và Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp các dự án, phương án bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai khẩn cấp ưu tiên triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai (khu vực phía Đông) tại Quyết định số 2900/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2025. Do đó, việc thực hiện Dự án Khu tái định cư vùng thiên tai xã Phù Mỹ Đông (xã Mỹ Thắng trước khi sắp xếp) thuộc Các dự án, phương án bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai khẩn cấp ưu tiên triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai (khu vực phía Đông) là cần thiết.

3. Diện tích đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác

a) Diện tích: 2,30 ha.

b) Loại rừng: Rừng phòng hộ.

c) Nguồn gốc hình thành: Rừng trồng.

d) Phạm vi ranh giới được giới hạn bởi các điểm mốc, có tọa độ hệ VN 2000 kinh tuyến trực 108 độ 15 phút, múi chiều 3 độ, cụ thể: *chi tiết tại Phụ lục II kèm theo.*

4. Vị trí đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: Thuộc khoảnh 3, tiểu khu 132, xã Phù Mỹ Đông, tỉnh Gia Lai (*trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 thuộc xã Mỹ Thắng, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định*).

5. Về đáp ứng nguyên tắc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định tại Điều 14 Luật Lâm nghiệp

Theo Khoản 1 Điều 14 Luật Lâm nghiệp năm 2017 được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 2 Điều 8 Luật số 146/2025/QH15 quy định về nguyên tắc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: *“Phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp hoặc quy hoạch tỉnh hoặc quy hoạch sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Chỉ*

giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với diện tích rừng đủ tiêu chí thành rừng”.

- Sự phù hợp quy hoạch lâm nghiệp: Theo Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, dự án có diện tích 0,04 ha thuộc chức năng rừng phòng hộ.

- Sự phù hợp quy hoạch tỉnh: Dự án **chưa được tích hợp** vào Phụ lục XXII. Phương án phát triển hạ tầng phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Bình Định thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đính kèm theo Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 14/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch Bình Định (nay là tỉnh Gia Lai) thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Sự phù hợp quy hoạch sử dụng đất: Dự án có tên trong danh mục công trình Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất huyện Phù Mỹ thời kỳ 2021 – 2030, được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 976/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2025; có tên trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Phù Mỹ, được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 646/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2025. Vị trí thực hiện dự án phù hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Phù Mỹ thời kỳ 2021-2030 được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2306/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025 và **đã được tích hợp** vào Quy hoạch chung xã Phù Mỹ Đông, tỉnh Gia Lai theo Quyết định số 948/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh, do đó Dự án đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 66.3/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ.

- Sự phù hợp quy hoạch xây dựng: Căn cứ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư vùng thiên tai xã Phù Mỹ Đông (xã Mỹ Thắng trước khi sắp xếp) được Ủy ban nhân dân huyện Phù Mỹ (cũ) phê duyệt tại Quyết định số 3811/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2025, khu vực đề xuất chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án phù hợp với quy hoạch.

6. Các nội dung khác

a) Về chuyển mục đích sử dụng đất: Theo quy định tại Điều 79 Luật Đất đai năm 2024, dự án Khu tái định cư vùng thiên tai xã Phù Mỹ Đông (xã Mỹ Thắng trước khi sắp xếp) thuộc Các dự án, phương án bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai khẩn cấp ưu tiên triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai (khu vực phía Đông) thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (**không thuộc trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất**).

b) Tài liệu đánh giá tác động môi trường

- Căn cứ quy định tại Điều 1 của Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, các dự án đầu tư công khẩn cấp theo quy định của pháp luật về đầu tư công không phải thực hiện đánh giá tác động môi trường (khoản 4, Điều 1 của Luật số 146/2025/QH15), giấy

phép môi trường (khoản 9, Điều 1 của Luật số 146/2025/QH15). Dự án có tổng diện tích 14,15 ha; lượng nước thải sinh hoạt phát sinh của dự án là 96 m³/ngày.đêm. Do vậy, dự án thuộc đối tượng thực hiện đăng ký môi trường tại Ủy ban nhân dân xã Phù Mỹ Đông theo quy định tại Điều 49 Luật Bảo vệ môi trường.

- Dự án Khu tái định cư vùng thiên tai xã Phù Mỹ Đông (xã Mỹ Thắng trước khi sắp xếp) thuộc Các dự án, phương án bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai khẩn cấp ưu tiên triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai (khu vực phía Đông) được Ủy ban nhân dân xã Phù Mỹ Đông tiếp nhận hồ sơ Đăng ký môi trường tại Văn bản số 225/UBND-KT ngày 13/02/2026.

7. Thành phần, nội dung hồ sơ: Có hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều 41 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 17 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm kèm theo, gồm:

a) Quyết định số 2900/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp các dự án, phương án bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai khẩn cấp ưu tiên triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai (khu vực phía Đông).

b) Quyết định số 775/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, dự án Khu tái định cư vùng thiên tai xã Phù Mỹ Đông (xã Mỹ Thắng trước sắp xếp) thuộc Các dự án, phương án bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai khẩn cấp ưu tiên triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai (khu vực phía Đông).

c) Quyết định số 3811/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Phù Mỹ (cũ) về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư vùng thiên tai xã Mỹ Thắng.

d) Văn bản số 7252/UBND-NNMT ngày 29 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao nhiệm vụ thực hiện các dự án, phương án bố trí, ổn định dân cư vùng thiên tai.

đ) Văn bản số 225/UBND-KT ngày 13 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Phù Mỹ Đông về việc tiếp nhận hồ sơ Đăng ký môi trường của Dự án Khu tái định cư vùng thiên tai xã Phù Mỹ Đông (xã Mỹ Thắng trước sắp xếp).

e) Văn bản số 378/BQL-KTTĐ ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

g) Báo cáo Thuyết minh kết quả điều tra hiện trạng rừng của Dự án và bản đồ hiện trạng rừng tỷ lệ 1/5.000, được Chi cục Kiểm lâm kiểm tra có ý kiến hiện trạng rừng tại Văn bản số 938/CCKL-QLBT ngày 30 tháng 3 năm 2026.

h) Văn bản số 377/BQL-KTTĐ ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bản cam kết nộp tiền trồng rừng thay thế.

Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá hồ sơ dự án đủ căn cứ, điều kiện để Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- CVP, PVPNN;
- Lưu: VT, C5, N5.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Dương Mah Tiệp

Phụ lục I
TỌA ĐỘ RANH GIỚI DIỆN TÍCH KHU ĐẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN
(HỆ VN2000 KINH TUYẾN TRỤC 108 ĐỘ 15 PHÚT, MÚI CHIỀU 3 ĐỘ)
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /4/2026 của UBND tỉnh)

STT	X	Y	STT	X	Y
1	1584677,521	595874,482	40	1585021,178	596135,342
2	1584689,836	595909,091	41	1585036,017	596129,351
3	1584664,554	595917,886	42	1585019,419	596085,909
4	1584658,556	595914,695	43	1585038,902	596078,471
5	1584654,631	595915,732	44	1585062,482	596069,456
6	1584661,311	595940,973	45	1585074,527	596064,859
7	1584665,203	595939,880	46	1585097,419	596056,105
8	1584668,649	595933,402	47	1585102,028	596058,165
9	1584695,200	595924,166	48	1585110,181	596087,545
10	1584711,472	595969,898	49	1585113,140	596098,212
11	1584727,746	596015,631	50	1585128,196	596092,133
12	1584724,769	596029,240	51	1585125,112	596081,516
13	1584735,672	596057,724	52	1585117,277	596053,277
14	1584704,475	596068,034	53	1585119,838	596047,547
15	1584698,414	596064,778	54	1585152,143	596035,205
16	1584694,125	596065,950	55	1585200,644	596016,672
17	1584702,281	596095,837	56	1585212,039	596046,499
18	1584706,553	596094,674	57	1585205,494	596049,108
19	1584709,977	596088,252	58	1585211,755	596064,788
20	1584733,613	596080,285	59	1585226,258	596071,353
21	1584743,681	596106,685	60	1585278,556	596181,876
22	1584739,642	596108,228	61	1585328,053	596313,971
23	1584753,314	596144,118	62	1585334,820	596311,551
24	1584797,330	596127,301	63	1585284,318	596179,425
25	1584806,994	596133,761	64	1585238,574	596066,376
26	1584814,692	596135,182	65	1585244,234	596051,728
27	1584874,565	596113,689	66	1585242,369	596047,073
28	1584880,395	596129,949	67	1585210,440	595967,324
29	1584909,901	596118,676	68	1585185,634	595897,049

STT	X	Y	STT	X	Y
30	1584925,549	596162,072	69	1585158,381	595816,943
31	1584919,071	596164,624	70	1585103,389	595836,679
32	1584924,959	596180,661	71	1585048,250	595856,428
33	1584953,585	596169,114	72	1585011,759	595754,647
34	1584947,839	596153,090	73	1584954,929	595775,023
35	1584940,439	596156,077	74	1584905,194	595792,851
36	1584927,063	596118,770	75	1584813,971	595825,560
37	1584934,126	596116,237	76	1584766,076	595842,676
38	1584986,707	596090,405	77	1584719,250	595859,461
39	1585001,796	596084,611			

Phụ lục II

**TỌA ĐỘ RANH GIỚI DIỆN TÍCH KHU ĐẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN
THUỘC ĐỐI TƯỢNG CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG
SANG MỤC ĐÍCH KHÁC ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN
(HỆ VN2000 KINH TUYẾN TRỤC 108 ĐỘ 15 PHÚT, MÚI CHIỀU 3 ĐỘ)**

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /4/2026 của UBND tỉnh)

STT	X	Y
I	Vị trí 1	
1	1585176,16	595987,87
2	1585201,39	595980,82
3	1585201,22	595980,17
4	1585199,81	595974,72
5	1585199,51	595973,62
6	1585198,11	595968,52
7	1585195,98	595960,32
8	1585194,31	595953,87
9	1585191,87	595944,51
10	1585195,85	595943,25
11	1585201,12	595941,32
12	1585201,21	595941,29
13	1585188,20	595904,57
14	1585169,65	595850,06
15	1585158,92	595818,54
16	1585158,38	595816,94
17	1585151,96	595819,25
18	1585140,65	595823,30
19	1585118,48	595831,25
20	1585077,36	595845,99
21	1585077,41	595846,32
22	1585077,77	595850,35
23	1585078,35	595856,76
24	1585079,57	595869,40
25	1585080,18	595875,72

STT	X	Y
26	1585079,79	595891,39
27	1585087,92	595901,20
28	1585093,23	595919,57
29	1585096,05	595940,19
30	1585103,76	595975,39
31	1585111,15	595973,65
32	1585121,51	595971,23
33	1585133,70	595966,89
34	1585140,76	595964,29
35	1585148,66	595961,39
36	1585157,28	595958,29
37	1585166,80	595954,87
38	1585168,92	595963,02
39	1585170,50	595969,70
40	1585172,35	595976,23
II	Vị trí 2	
1	1584930,72	595990,50
2	1584948,67	595985,18
3	1584943,94	595969,91
4	1584949,65	595967,96
5	1584965,87	595962,44
6	1584976,57	595990,58
7	1584976,24	595993,16
8	1584970,85	595996,18
9	1584953,62	596001,12
10	1584935,48	596006,23
III	Vị trí 3	
1	1584960,21	595947,54
2	1584938,72	595953,05
3	1584936,74	595945,54
4	1584918,97	595951,80
5	1584907,13	595916,08

STT	X	Y
6	1584924,84	595909,57
7	1584922,15	595901,86
8	1584939,38	595896,08
9	1584941,35	595900,22
10	1584944,20	595906,89
11	1584952,55	595927,41
12	1584956,76	595938,48
IV	Vị trí 4	
1	1584911,97	595939,85
2	1584916,30	595953,57
3	1584923,17	595978,31
4	1584925,12	595985,33
5	1584927,44	595993,03
6	1584930,52	596006,00
7	1584913,37	596012,40
8	1584910,58	596002,28
9	1584908,58	595995,51
10	1584906,87	595989,55
11	1584905,64	595984,94
12	1584905,03	595982,50
13	1584876,57	595989,09
14	1584876,57	595989,10
15	1584874,53	595982,25
16	1584866,01	595953,61
17	1584894,98	595948,69
18	1584893,09	595942,69
V	Vị trí 5	
1	1584790,12	595945,54
2	1584781,11	595920,54
3	1584804,68	595908,59
4	1584838,11	595897,67
5	1584881,05	595878,58

STT	X	Y
6	1584882,52	595885,19
7	1584886,98	595914,34
8	1584863,46	595919,04
9	1584856,14	595921,95
10	1584852,36	595923,36
11	1584835,50	595929,59
12	1584820,33	595936,55
13	1584797,63	595941,96
VI	Vị trí 6	
1	1584771,61	595880,96
2	1584779,95	595915,69
3	1584772,65	595916,13
4	1584754,08	595881,01
VII	Vị trí 7	
1	1584763,35	595981,70
2	1584778,80	595963,62
3	1584780,87	595963,06
4	1584788,57	595986,84
5	1584767,16	595992,77

Số: /NQ-HĐND

Gia Lai, ngày tháng 4 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án Khu tái định cư vùng thiên tai xã Phù Mỹ Đông (xã Mỹ Thắng trước khi sắp xếp) thuộc Các dự án, phương án bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai khẩn cấp ưu tiên triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai (khu vực phía Đông)

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 2 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án Khu tái định cư vùng thiên tai xã Phù Mỹ Đông (xã Mỹ Thắng trước khi sắp xếp) thuộc Các dự án, phương án bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai khẩn cấp ưu tiên triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai (khu vực phía Đông); Báo cáo thẩm tra số .../BC-KTNS ngày tháng 4 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án Khu tái định cư vùng thiên tai xã Phù Mỹ Đông (xã Mỹ Thắng trước khi sắp xếp) thuộc Các dự án, phương án bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai khẩn cấp ưu tiên triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai (khu vực phía Đông), như sau:

1. Địa điểm: Thuộc khoảnh 3, tiểu khu 132, xã Phù Mỹ Đông, tỉnh Gia Lai *(trước ngày 01/7/2025 thuộc xã Mỹ Thắng, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định)*.

2. Diện tích: 2,30 ha.

3. Loại rừng: Rừng phòng hộ.

4. Nguồn gốc hình thành: Rừng trồng.

5. Ranh giới: Giới hạn bởi các điểm tọa độ hệ VN 2000 kinh tuyến trực 108 độ 15 phút, múi 3 chiều độ, cụ thể: *Tại phụ lục kèm theo.*

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định pháp luật. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án nêu trên khi đảm bảo đầy đủ các hồ sơ thủ tục, điều kiện chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, toàn diện, chính xác đối với hồ sơ, nội dung trình chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai Khóa XIII Kỳ họp thứ 2 (chuyên đề) thông qua và có hiệu lực từ ngày tháng 4 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Các VP: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Báo và Phát thanh truyền hình Gia Lai;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT; HSKH.

CHỦ TỊCH

Rah Lan Chung

Phụ lục
TỌA ĐỘ RANH GIỚI DIỆN TÍCH KHU ĐẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN
THUỘC ĐỐI TƯỢNG CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG
SANG MỤC ĐÍCH KHÁC ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /4/2026
của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai)

Ranh giới được giới hạn bởi các điểm tọa độ hệ VN 2000 kinh tuyến trực 108 độ 15 phút, múi 3 chiều độ, cụ thể như sau:

STT	X	Y
I	Vị trí 1	
1	1585176,16	595987,87
2	1585201,39	595980,82
3	1585201,22	595980,17
4	1585199,81	595974,72
5	1585199,51	595973,62
6	1585198,11	595968,52
7	1585195,98	595960,32
8	1585194,31	595953,87
9	1585191,87	595944,51
10	1585195,85	595943,25
11	1585201,12	595941,32
12	1585201,21	595941,29
13	1585188,20	595904,57
14	1585169,65	595850,06
15	1585158,92	595818,54
16	1585158,38	595816,94
17	1585151,96	595819,25
18	1585140,65	595823,30
19	1585118,48	595831,25
20	1585077,36	595845,99
21	1585077,41	595846,32
22	1585077,77	595850,35
23	1585078,35	595856,76
24	1585079,57	595869,40
25	1585080,18	595875,72

STT	X	Y
26	1585079,79	595891,39
27	1585087,92	595901,20
28	1585093,23	595919,57
29	1585096,05	595940,19
30	1585103,76	595975,39
31	1585111,15	595973,65
32	1585121,51	595971,23
33	1585133,70	595966,89
34	1585140,76	595964,29
35	1585148,66	595961,39
36	1585157,28	595958,29
37	1585166,80	595954,87
38	1585168,92	595963,02
39	1585170,50	595969,70
40	1585172,35	595976,23
II	Vị trí 2	
1	1584930,72	595990,50
2	1584948,67	595985,18
3	1584943,94	595969,91
4	1584949,65	595967,96
5	1584965,87	595962,44
6	1584976,57	595990,58
7	1584976,24	595993,16
8	1584970,85	595996,18
9	1584953,62	596001,12
10	1584935,48	596006,23
III	Vị trí 3	
1	1584960,21	595947,54
2	1584938,72	595953,05
3	1584936,74	595945,54
4	1584918,97	595951,80
5	1584907,13	595916,08

STT	X	Y
6	1584924,84	595909,57
7	1584922,15	595901,86
8	1584939,38	595896,08
9	1584941,35	595900,22
10	1584944,20	595906,89
11	1584952,55	595927,41
12	1584956,76	595938,48
IV	Vị trí 4	
1	1584911,97	595939,85
2	1584916,30	595953,57
3	1584923,17	595978,31
4	1584925,12	595985,33
5	1584927,44	595993,03
6	1584930,52	596006,00
7	1584913,37	596012,40
8	1584910,58	596002,28
9	1584908,58	595995,51
10	1584906,87	595989,55
11	1584905,64	595984,94
12	1584905,03	595982,50
13	1584876,57	595989,09
14	1584876,57	595989,10
15	1584874,53	595982,25
16	1584866,01	595953,61
17	1584894,98	595948,69
18	1584893,09	595942,69
V	Vị trí 5	
1	1584790,12	595945,54
2	1584781,11	595920,54
3	1584804,68	595908,59
4	1584838,11	595897,67
5	1584881,05	595878,58

STT	X	Y
6	1584882,52	595885,19
7	1584886,98	595914,34
8	1584863,46	595919,04
9	1584856,14	595921,95
10	1584852,36	595923,36
11	1584835,50	595929,59
12	1584820,33	595936,55
13	1584797,63	595941,96
VI	Vị trí 6	
1	1584771,61	595880,96
2	1584779,95	595915,69
3	1584772,65	595916,13
4	1584754,08	595881,01
VII	Vị trí 7	
1	1584763,35	595981,70
2	1584778,80	595963,62
3	1584780,87	595963,06
4	1584788,57	595986,84
5	1584767,16	595992,77